

**DOANH NGHIỆP ĐẦU GIÁ
TƯ NHÂN QUỐC THỊNH**
Lô 20-6 Nguyễn Bính, Quy Nhơn
ĐT: 0911292557, 0905824457

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 11 tháng 9 năm 2026

Số: 202/CV-ĐG
(V/v đề nghị TTPTQĐ tỉnh đồng ý
để DN tiếp tục thông báo đấu giá)

Kính gửi: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai

Thực hiện Hợp đồng dịch vụ đấu giá Quyền sử dụng đất ở số: 02/2026/HĐDV-ĐG ngày 17/4/2026 giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai và Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh;

Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh đã tổ chức đấu giá Quyền sử dụng đất ở thuộc các khu: Khu tái định cư Trung Bình phục vụ dự án Tuyến đường kết nối từ phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn xã Phù Mỹ Tây; Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh, phường Hoài Nhơn Đông; Khu Tái định cư phường Hoài Thanh Tây thuộc dự án Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn phường Hoài Nhơn, tỉnh Gia Lai theo thông báo số 35/TB-ĐG ngày 20/4/2026 và thông báo số 95/TB-ĐG ngày 18/6/2026:

- Tổng số lượng lô đất đấu giá: 153 lô.
- Tổng số lượng lô đất đã đấu giá thành: 39 lô.
- Tổng số lượng lô đất còn lại: 114 lô.

(Kèm theo danh sách chi tiết các lô đất còn lại)

Doanh nghiệp đã tổ chức nhiều phiên đấu giá theo thông báo trên và đấu giá hàng tuần, tuy nhiên có rất ít người đăng ký tham gia đấu giá.

Do đó, Doanh nghiệp kính đề nghị Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh cho Doanh nghiệp tiếp tục thông báo lại và tổ chức đấu giá mỗi tháng một phiên vào ngày thứ 6.

Rất mong sự đồng ý của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh bằng văn bản để cho Doanh nghiệp tiếp tục thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu HS.



GIÁM ĐỐC

[Signature]
Nguyễn Quốc Thịnh



DANH SÁCH CÁC LÔ ĐẤT CÒN LẠI
TẠI KHU TÁI ĐỊNH CƯ TRUNG BÌNH PHỤC VỤ DỰ ÁN TUYỂN ĐƯỜNG KẾT NỐI TỪ
PHÍA TÂY TỈNH (ĐT.638) ĐẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639) TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHU MỸ
TÂY, TỈNH GIA LAI

(Kèm theo công văn số 202/CV-ĐG ngày 11/9/2026 của Doanh nghiệp đầu giá tư nhân Quốc Thịnh)

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích	Tên đường	Lộ giới	Giá khởi điểm (đồng)		Ghi chú
						đ/m2	Thành tiền	
A	KHU DO-01	8	1,690.40				5,539,212,000	
1	Lô 01	1	290.40	Đường số 1 và Đường số 4	14,0 và 14,0	3,780,000	1,097,712,000	Lô góc
2	Lô 02	1	200.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	630,000,000	
3	Lô 03	1	200.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	630,000,000	
4	Lô 04	1	200.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	630,000,000	
5	Lô 05	1	200.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	630,000,000	
6	Lô 06	1	200.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	630,000,000	
7	Lô 07	1	200.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	630,000,000	
8	Lô 08	1	200.00	Đường số 4 và đường nội bộ 4m	14,0 và 4,0	3,307,500	661,500,000	
B	KHU DO-02	8	1,535.80				4,974,984,000	
1	Lô 01	1	200.00	Đường số 4 và đường nội bộ 4m	14,0 và 4,0	3,307,500	661,500,000	
2	Lô 02	1	200.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	630,000,000	
3	Lô 03	1	200.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	630,000,000	
4	Lô 04	1	200.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	630,000,000	
5	Lô 05	1	200.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	630,000,000	
6	Lô 06	1	200.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	630,000,000	
7	Lô 07	1	168.00	Đường số 3	14.0	3,150,000	529,200,000	
8	Lô 09	1	167.80	Đường số 3 và Đường số 4	14,0 và 14,0	3,780,000	634,284,000	
C	KHU DO-03	9	1,394.60				4,539,213,000	
1	Lô 01	1	194.60	Đường số 1 và Đường số 2	14,0 và 10,5	3,780,000	735,588,000	Lô góc
2	Lô 08	1	150.00	Đường số 4 và đường nội bộ 4m	14,0 và 4,0	3,307,500	496,125,000	

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích	Tên đường	Lộ giới	Giá khởi điểm (đồng)		Ghi chú
						đ/m2	Thành tiền	
3	Lô 09	1	150.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	472,500,000	
4	Lô 10	1	150.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	472,500,000	
5	Lô 11	1	150.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	472,500,000	
6	Lô 12	1	150.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	472,500,000	
7	Lô 13	1	150.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	472,500,000	
8	Lô 14	1	150.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	472,500,000	
9	Lô 15	1	150.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	472,500,000	
D	KHU DO-04	1	138.00				434,700,000	
1	Lô 14	1	138.00	Đường số 3	14.0	3,150,000	434,700,000	
E	KHU DO-05	7	1,438.90				4,846,086,000	
1	Lô 01	1	262.40	Đường số 2 và Đường số 3	10,5 và 14,0	3,780,000	991,872,000	Lô góc
2	Lô 07	1	200.00	Đường số 4 và đường nội bộ 4m	14,0 và 4,0	3,307,500	661,500,000	Lô góc
3	Lô 08	1	200.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	630,000,000	
4	Lô 09	1	200.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	630,000,000	
5	Lô 10	1	202.00	Đường số 3	14.0	3,150,000	636,300,000	
6	Lô 11	1	189.20	Đường số 3	14.0	3,150,000	595,980,000	
7	Lô 12	1	185.30	Đường số 3 và Đường số 4	14,0 và 14,0	3,780,000	700,434,000	Lô góc
F	KHU DO-06	8	1,633.30				4,907,406,000	
1	Lô 03	1	228.40	Đường số 2	10.5	2,310,000	527,604,000	
2	Lô 05	1	226.00	Đường số 2	10.5	2,310,000	522,060,000	
3	Lô 07	1	200.00	Đường số 4 và đường nội bộ 4m	14,0 và 4,0	3,307,500	661,500,000	Lô góc
4	Lô 08	1	200.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	630,000,000	
5	Lô 09	1	200.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	630,000,000	
6	Lô 10	1	200.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	630,000,000	
7	Lô 11	1	200.00	Đường số 4	14.0	3,150,000	630,000,000	
8	Lô 12	1	178.90	Đường số 4 và Đường số 5	14,0 và 10,5	3,780,000	676,242,000	Lô góc
Tổng cộng		41	7,831.0				25,241,601,000	



DANH SÁCH CÁC LÔ ĐẤT CÒN LẠI
TẠI KHU TẠ ĐỊNH CƯ PHƯỜNG HOÀI THANH TÂY THUỘC DỰ ÁN TUYẾN ĐƯỜNG
KẾT NỐI VỚI ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639) TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG HOÀI NHƠN,
TỈNH GIA LAI

(Kèm theo công văn số 202/CV-ĐG ngày 11/9/2026 của Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh)

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích	Tên đường	Lộ giới	Giá khởi điểm (đồng)		Ghi chú
						đ/m2	Thành tiền	
	KHU NO-02							
1	NO-02-6	1	120.0	Đường N2	16	8,000,000	960,000,000	
2	NO-02-7	1	120.0	Đường N2	16	8,000,000	960,000,000	
3	NO-02-8	1	120.0	Đường N2	16	8,000,000	960,000,000	
4	NO-02-9	1	120.0	Đường N2	16	8,000,000	960,000,000	
5	NO-02-13	1	120.0	Đường N3	14	7,000,000	840,000,000	
6	NO-02-14	1	120.0	Đường N3	14	7,000,000	840,000,000	
7	NO-02-15	1	120.0	Đường N3	14	7,000,000	840,000,000	
8	NO-02-16	1	120.0	Đường N3	14	7,000,000	840,000,000	
9	NO-02-17	1	120.0	Đường N3	14	7,000,000	840,000,000	
10	NO-02-18	1	120.0	Đường N3	14	7,000,000	840,000,000	
11	NO-02-19	1	120.0	Đường N3	14	7,000,000	840,000,000	
Tổng cộng		11	1,320.0				9,720,000,000	



DANH SÁCH CÁC LÔ ĐẤT CÒN LẠI
TẠI KHU TẠI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ DỰ ÁN TUYỂN VEN BIỂN (ĐT.639) ĐOẠN TỪ CẦU LẠI
GIANG ĐẾN CẦU THIÊN CHÁNH PHƯỜNG HOÀI NHƠN ĐÔNG, TỈNH GIA LAI

(Kèm theo công văn số 202/CV-ĐG ngày 11/9/2026 của Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh)

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích	Tên đường	Lộ giới	Giá khởi điểm (đồng)		Ghi chú
						đ/m2	Thành tiền	
A	Khu OLK2	5	550.0				4,488,000,000	
1	OLK2-1	1	110.0	Đường ĐS1 và Đường nội bộ 3m	14 và 3	8,800,000	968,000,000	
2	OLK2-6	1	110.0	Đường ĐS1	14	8,000,000	880,000,000	
3	OLK2-7	1	110.0	Đường ĐS1	14	8,000,000	880,000,000	
4	OLK2-8	1	110.0	Đường ĐS1	14	8,000,000	880,000,000	
5	OLK2-15	1	110.0	Đường ĐS1	14	8,000,000	880,000,000	
B	KHU OLK3	8	880.0				6,314,000,000	
1	OLK3-1	1	110.0	Đường ĐS2 và Đường nội bộ	14 và 5	7,700,000	847,000,000	
2	OLK3-4	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
3	OLK3-5	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
4	OLK3-8	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
5	OLK3-9	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
6	OLK3-10	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
7	OLK3-11	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
8	OLK3-12	1	110.0	Đường ĐS2 và Đường nội bộ	14 và 5	7700000	847,000,000	
C	KHU OLK4	16	1,902.0				14,332,200,000	
1	OLK4-1	1	214.0	Đường ĐS1 và đường ĐS2	14 và 14	9,600,000	2,054,400,000	
2	OLK4-2	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
3	OLK4-3	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
4	OLK4-4	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
5	OLK4-5	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
6	OLK4-6	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
7	OLK4-7	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
8	OLK4-8	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
9	OLK4-9	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích	Tên đường	Lộ giới	Giá khởi điểm (đồng)		Ghi chú
						đ/m2	Thành tiền	
10	OLK4-10	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
11	OLK4-11	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
12	OLK4-12	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
13	OLK4-13	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
14	OLK4-14	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
15	OLK4-15	1	110.0	Đường ĐS2 và Đường nội bộ	14 và 5	7,700,000	847,000,000	
16	OLK4-28	1	148.0	Đường ĐS1	14 và 14	9,600,000	1,420,800,000	
D	KHU OLK5	10	1,147.6				7,774,130,000	
1	OLK5-1	1	106.8	Đường ĐS3 và Đường nội bộ	14 và 5	7,150,000	763,620,000	
2	OLK5-2	1	107.3	Đường ĐS3	14	6,500,000	697,450,000	
3	OLK5-3	1	107.3	Đường ĐS3	14	6,500,000	697,450,000	
4	OLK5-4	1	107.2	Đường ĐS3	14	6,500,000	696,800,000	
5	OLK5-5	1	106.8	Đường ĐS3	14	6,500,000	694,200,000	
6	OLK5-6	1	106.7	Đường ĐS3	14	6,500,000	693,550,000	
7	OLK5-7	1	106.7	Đường ĐS3	14	6,500,000	693,550,000	
8	OLK5-8	1	106.4	Đường ĐS3	14	6,500,000	691,600,000	
9	OLK5-9	1	103.7	Đường ĐS3	14	6,500,000	674,050,000	
10	OLK5-10	1	188.7	Đường ĐS3 và Đường ĐS4	14 và 13,5	7,800,000	1,471,860,000	
E	KHU OLK6	21	2,404.9				16,920,870,000	
1	OLK6-1	1	194.2	Đường ĐS3 và Đường ĐS1	14 và 14	9,600,000	1,864,320,000	
2	OLK6-2	1	109.2	Đường ĐS3	14	6,500,000	709,800,000	
3	OLK6-3	1	108.9	Đường ĐS3	14	6,500,000	707,850,000	
4	OLK6-4	1	108.9	Đường ĐS3	14	6,500,000	707,850,000	
5	OLK6-5	1	108.9	Đường ĐS3	14	6,500,000	707,850,000	
6	OLK6-6	1	108.6	Đường ĐS3	14	6,500,000	705,900,000	
7	OLK6-7	1	108.5	Đường ĐS3	14	6,500,000	705,250,000	
8	OLK6-8	1	108.5	Đường ĐS3	14	6,500,000	705,250,000	
9	OLK6-9	1	108.2	Đường ĐS3	14	6,500,000	703,300,000	

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích	Tên đường	Lộ giới	Giá khởi điểm (đồng)		Ghi chú
						đ/m2	Thành tiền	
10	OLK6-10	1	108.2	Đường ĐS3	14	6,500,000	703,300,000	
11	OLK6-11	1	108.2	Đường ĐS3	14	6,500,000	703,300,000	
12	OLK6-12	1	107.8	Đường ĐS3	14	6,500,000	700,700,000	
13	OLK6-13	1	107.8	Đường ĐS3	14	6,500,000	700,700,000	
14	OLK6-14	1	110.0	Đường ĐS3 và Đường nội bộ	14 và 5	7,150,000	786,500,000	
15	OLK6-15	1	110.0	Đường ĐS2 và Đường nội bộ	14 và 5	7,700,000	847,000,000	
16	OLK6-16	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
17	OLK6-17	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
18	OLK6-18	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
19	OLK6-20	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
20	OLK6-21	1	110.0	Đường ĐS2	14	7,000,000	770,000,000	
21	OLK6-26	1	139.0	Đường ĐS1	14	8,000,000	1,112,000,000	
F	KHU OLK7	7	1,002.0				6,619,100,000	
1	OLK7-10	1	267.5	Đường ĐS4	13,5 và 13,5	6,000,000	1,605,000,000	
2	OLK7-11	1	184.5	Đường ĐS4 và Đường ĐS3	13,5 và 14	7,800,000	1,439,100,000	
3	OLK7-12	1	110.0	Đường ĐS3	14	6,500,000	715,000,000	
4	OLK7-13	1	110.0	Đường ĐS3	14	6,500,000	715,000,000	
5	OLK7-14	1	110.0	Đường ĐS3	14	6,500,000	715,000,000	
6	OLK7-16	1	110.0	Đường ĐS3	14	6,500,000	715,000,000	
7	OLK7-22	1	110.0	Đường ĐS3	14	6,500,000	715,000,000	
Tổng		67	7,886.5				56,448,300,000	

